



GIÁO DỤC VĂN HÓA CHO TRẺ EM TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

ĐÀO NAM SƠN

Đặt vấn đề

Đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta đa số cư trú phân tán ở các vùng hẻo lánh, kinh tế - xã hội phát triển chậm; giáo dục, đúng hơn là giáo dục trong nhà trường gặp rất nhiều khó khăn. Có những dân tộc còn phần nào bảo lưu tập tính khép kín, co cụm trong cộng đồng làng, cộng đồng thôn, bản. Tuy vậy, chúng ta phải khẳng định rằng, chính văn hóa của đồng bào đã làm nên bức khảm văn hóa Việt Nam đầy màu sắc. Trong bối cảnh đó, môi trường gia đình, môi trường cộng đồng mà chính xác hơn là giáo dục gia đình và giáo dục cộng đồng hay nói khác đi là giáo dục bằng văn hóa trở thành một nhân tố trọng yếu trong sứ mệnh giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ ở vùng dân tộc.

Không nên quan niệm văn hóa là cái gì xa vời, cao siêu mà văn hóa chính là các biểu hiện nhìn thấy, sờ thấy trong cuộc sống hàng ngày (tất nhiên có cái chỉ còn trong tâm thức) trong đó những cái có giá trị với cuộc sống của con người ngày ấy, hôm nay và mai sau. Văn hóa là nền tảng xã hội. Vì vậy, giáo dục văn hóa cũng nên xem là giáo dục mang trọng trách nền tảng. Giáo dục văn hóa với trẻ em - những chủ nhân tương lai của đất nước - trong cộng đồng dân tộc thiểu số như thế nào, để các em nên người, giàu lòng nhân ái, biết yêu lao động, yêu núi rừng, sông nước quê hương ngay từ khi chưa bước chân đến trường để tiếp thu những nội dung kiến thức sâu sắc và lớn lao hơn trong các chương trình giáo dục?

1. Giáo dục qua hành vi của người lớn

Trẻ em dân tộc, ngay từ trong bụng, đã chứng kiến cuộc sống lao động vất vả của mẹ cha. Đồng bào dân tộc, dù ở vùng cao phía Bắc, hay vùng đồng bằng sông Cửu Long, dù ở ven biển miền Trung hay cao nguyên Tây Nguyên, điều kiện thời tiết mỗi nơi khác nhau nhưng đâu cũng khắc nghiệt, đời sống vật chất còn nghèo. Trong cuộc sống gian khổ, đồng bào đã bền bỉ vượt lên, tạo lập cuộc sống, dựng nên thôn ấp, trong niềm lạc quan không tắt. Chính cuộc sống lao động của mẹ cha, của cộng đồng đã bồi dưỡng cho các em những tình cảm tốt đẹp.

Trẻ em dân tộc ở vùng cao phía Bắc, đi rừng thường mang theo con dao nhưng không mấy khi gặp cây các em chém chặt bừa bãi, vì người lớn không làm thế bao giờ. Trẻ em ở đồng bằng sông Cửu Long ra đồng không bắt những con cá nhỏ, bởi

lưới bắt cá của đồng bào thường để thừa mắt dành cá cho mùa sau.

Nhiều dân tộc ở Tây Nguyên không bao giờ chặt cây đang sống làm củi. Lấy gỗ làm nhà, họ chỉ đốn ngã những cây chắc chắn cần dùng, không phá tràn lan. Gắn bó với rừng, cần có đất để trồng trọt và nuôi sống, đồng bào buộc phải làm rẫy nhưng không làm rẫy quá lớn, chỉ làm vừa sức. Khi đã bạc màu (thường là sau 3 năm canh tác) rẫy mới bị bỏ hoang. Nhưng đất này vẫn được xem là tài sản của gia đình, đất vẫn được chăm sóc. Cũng chỉ chờ khoảng 3 năm, hay nhiều nhất là 5 năm, khi rẫy đã hồi sức, họ quay trở lại canh tác. Trong rừng có nhiều lâm sản, khi cần, đồng bào có khai thác, nhưng không khai thác kiểu vắt kiệt. Họ không lấy măng quá non hoặc quá già. Trước đây, đồng bào không có thói quen lấy mật ong làm hàng hoá. Khi cần bồi dưỡng cho người già và trẻ em thì chỉ lấy một ít. Những việc làm ấy chính là những bài học vô giá về thái độ ứng xử thân thiện của con người với tài nguyên, con người với môi trường sống, con người với con người, hôm nay với mai sau.

Đến vùng đồng bào Khmer cư trú, khi gặp khách xa hay người lớn tuổi, các em đều chắp tay trước ngực, cúi đầu chào. Các em không nói to, không làm huyên náo, nhất là không có dấu hiệu chỉ trỏ làm khách cảm thấy khó chịu. Cử chỉ ấy chính là hành vi giao tiếp nổi bật và được xem như một chứng chỉ văn hóa cộng đồng.

Người Tày ở Bắc Quang (Hà Giang) có phong tục hát lượn - hát đối đáp với khách xa, hát giao duyên giữa nam và nữ, vào những đêm trăng sáng. Những cuộc hát này ít khi vắng mặt các em trai, em gái. Các em ban đầu còn lảng nghe các anh chị hát, sau một quá thì ngủ. Nhưng những lời ca giọng hát mượt mà ấy cứ thấm vào các em mặc dù không ai dạy. Ít năm sau, hòa vào các sinh hoạt cộng đồng các em cũng hát, cũng đối đáp như các anh chị năm nào. Không có ai luyện giọng, đặt lời nhưng khúc hát cứ tuôn ra mát trong như suối đầu nguồn. Cứ thế, giọng hát hôm nay tiếp nối giọng hát hôm qua, trong giọng hát hôm nay có giọng hát hôm qua. Các loại hình văn hóa truyền thống nói chung cũng được bảo lưu bằng con đường này chăng?

2. Giáo dục qua tập quán

Không ai có thể phủ nhận tập quán là một

thành tố quan trọng của văn hóa tộc người. Trong các gia đình thiểu số ở Tây Nguyên, ngay từ nhỏ, trẻ em đã được giáo dục lao động theo một nề nếp cổ truyền ngay tại buôn làng mình và trong gia đình mình. Ngoài những công việc chung cho cả nam cũng như nữ, các em hàng ngày được tiếp xúc, làm quen dần và phải chấp nhận các phần việc dành cho giới mình. Khoảng 6 - 7 tuổi, con gái đã có thể giúp lấy nước ăn từ máng hay từ nguồn về, trông em, rồi theo mẹ hái rau, kiếm nấm trong rừng, bắt cua, xúc cá dưới suối,... và vài tuổi nữa bắt đầu được tập dượt việc canh cửi, khâu vá. Con trai được rèn luyện làm những việc của đàn ông như bắn nỏ, làm cạm bẫy, đan gùi, đan nia,... và được truyền thụ kinh nghiệm đi rừng, đi săn. Theo phong tục Mơ-nông, Ê-đê chẳng hạn, trong lễ cúng sau khi sinh con ít ngày, bố đưa trẻ sơ sinh làm đồ chơi cho con: Nếu là con trai thì lễ cúng ấy có nỏ, khiên, dao xà-gạc; nếu là con gái thì là cái gùi có hoa văn đẹp, xa kéo sợi, dụng cụ dệt vải. Tất cả đều phỏng theo đồ vật thật của người lớn. Người Thượng rất thực tế và đồ chơi của trẻ em xứ Thượng thường đơn giản, mộc mạc, gắn với công việc lao động trong tương lai nhiều năm sau của các em, giúp các em "nhập vai" vào cuộc sống.

Trong tập tục của người Jrai, khi đứa trẻ đã cứng cáp, khỏe chân khỏe tay, bước được những bước vững vàng, gia đình đưa trẻ làm lễ *Pr-pú* (tắm suối) để nhận về sức mạnh của thần rừng, thần sông cho nó. Lễ này tiến hành sau lễ *Bơ-het tơ-nghia* (thối tai): Khai thông con đường tiếp nhận tri thức và lễ *Ngã tơ-lai coong* (đeo vòng) xác định vị trí thành viên cộng đồng.

Trong ngày thứ hai của lễ *Pr-pú*, từ sáng sớm, lúc "con chim chưa bay lên bầu trời, con thú chưa xuống suối uống nước", người nhà và một đoàn người trong dòng họ ăn vận sắc phục truyền thống đưa bé ra suối tắm. Đứa bé nếu là con trai thì phải đeo gươm, tay trái khoác khiên, tay phải khoác nỏ, nếu là bé gái thì phải đeo cái gùi đan bằng lồ-ô. Rõ ràng, đằng sau màn sương tập tục truyền thống, người Jrai muốn nhắc nhở con cháu họ ý thức rõ về giới, ý thức rõ về nghĩa vụ của mình trong tương lai.

Ở vùng đồng bào Thái cũng vậy. Các em gái Thái từ khi còn rất bé đã biết giúp mẹ, giúp chị quay xa, dệt vải. Lớn lên, em gái Thái nào cũng thành thạo nghề may, làm chăn, làm gối. Một phần để làm của hồi môn khi về nhà chồng, một phần nữa để nâng cao mức sống gia đình. Các em trai thì đi nương, làm rẫy, phát cây, phát gốc, đánh gianh, lợp nhà. Nhìn những sản phẩm mà các em làm ra có thể thấy được bàn tay khéo léo và quen việc như thế nào. Các em biết đánh vông sắn, đánh luống sao cho để nương

có độ dốc ít bị bạc màu khi nước xói. Em gái Tày có khả năng nữ công gia chánh khi còn rất nhỏ. Các em tham gia gói bánh, nấu chè lam, làm cơm lam nhanh thoăn thoắt.

Người Chăm cho đến hôm nay vẫn thủy chung với chế độ mẫu hệ. Quyền thừa kế di sản cũng như chịu trách nhiệm chính trong việc thờ cúng tổ tiên vẫn thuộc về người con gái út. Theo truyền thống Chăm, các cô con gái lớn lần lượt đi lấy chồng ra ở riêng, thường là ở riêng trên mảnh đất gia đình cha mẹ chia cho. Các anh em trai đi lấy vợ về ở bên nhà vợ. Người con gái út ở lại chăm sóc mẹ cha và được hưởng quyền thừa kế di sản. Các cô con gái út trong gia đình Chăm, ngay từ tấm bé, đã không có dấu hiệu nhõng nhẽo. Các cô ý thức được quyền hạn và trách nhiệm của mình nên sớm chững chạc trong ăn nói và công việc. Có một điều rất lạ là các cô gái út này không được học cao lên như các anh chị em khác trong gia đình. Người Chăm không trọng nam khinh nữ. Con gái như được coi trọng hơn. Nhưng trong gia đình, việc học hành của người con trai được chăm chút hơn. Bởi lẽ, họ cho rằng, con trai sẽ đi ở nhà người, nếu không giỏi giang thì sẽ không có ai cưới về làm chồng. Con gái chẳng phải lo gì, vì chắc chắn là chủ gia đình.

3. Giáo dục qua tiếng mẹ đẻ

Ngôn ngữ là một thành tố quan trọng, đặc biệt của văn hóa. Tự thân nó là văn hóa, đồng thời với chức năng giao tiếp và lưu trữ thông tin, nó đảm bảo cho văn hóa phát triển và can thiệp trực tiếp đến các hoạt động giáo dục. Đồng bào các dân tộc Việt Nam đều có tiếng mẹ đẻ của riêng mình. Đồng bào tôn trọng và giữ gìn tiếng mẹ đẻ như giữ gìn một phần tâm linh và máu thịt.

Không thể phủ nhận hiệu quả của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Người già Mơ-nông kể rằng: Ít nhất một mùa trong năm, người Mơ-nông ở Tây Nguyên họp mặt em, chú bác ba lần. Lần thứ nhất đầu mùa rẫy. Lần thứ hai giữa mùa rẫy. Lần thứ ba vào mùa thu hoạch. Đây là những dịp họ trao đổi cách làm ăn, chọn đất làm rẫy, chăm sóc rẫy, cách giáo dục nuôi nấng con cháu. Họ còn mời già làng để cùng chia sẻ kinh nghiệm hay. Trong những lúc chia sẻ cộng đồng này, trẻ em cũng được tham gia và được lắng nghe lời dạy bảo từ những người có uy tín trong gia tộc. Đồng bào Mơ-nông cư trú rất xa nhau, gặp nhau thường xuyên là rất khó, cho nên những ngày họp quan trọng này họ không bao giờ lỡ hẹn.

Thanh niên Jrai ở Tây Nguyên khi bước vào tuổi yêu đương, con trai thường chủ động đến nhà con gái, mặc dù chế độ mẫu hệ còn hằn rất sâu đậm

trong tâm thức. Một khi, nhà nào có con đi chơi nhà bạn gái, bao giờ cha mẹ cũng không quên căn dặn: “Chớ có bước qua chiếu nhà người ta, đừng làm cho chiếu nhàu, mền nhàu”. Còn các cô gái Jrai ý tứ chỉ tiếp bạn trai ở nhà và chỉ tiếp riêng bạn trai một lúc, một lát, rồi sau đó nhờ người nhà cùng tiếp. Khi bạn trai ra về, người con gái chỉ tiễn đến hiên nhà, không tiễn hết cầu thang. Với trai gái Jrai lời khuyên của cha mẹ là tất cả.

Nhiều dân tộc thiểu số ở Việt Nam có Luật tục, những điều ghi trong Luật tục cũng được đem ra truyền dạy cho con cháu. Và người dân tộc thiểu số rất tôn trọng Luật tục của họ. Nhiều câu trong Luật tục ý nghĩa hình tượng rất sâu xa, cho đến nay còn giá trị nhân văn.

Nhiều dân tộc cũng không quên giáo dục con em mình bằng lời. Nhưng lời của họ không nặng về giáo huấn khô khan mà hình như họ cũng không quen nói kiểu giáo huấn. Người Khmer nói với con cháu (đã dịch ra tiếng Việt):

- *Thấy cây gỗ mục khoan đặt đít ngồi;*
- *Đặt bếp không nghĩ đến nôi;*
- *Một con chim sẻ trong tay còn quý hơn mười con chim sẻ ở trên cành;*
- *Hãy trông thời gian dài, đừng trông thời gian ngắn;*
- *Cái kiếm sắc ở trong hộp, kiến thức sâu xa ở trong sách;*
- *Hiểu về pháp luật thì không sợ tòa án, hiểu về kinh Phật thì không sợ nhà sư.*

Không dân tộc nào không truyền dạy thế hệ sau bằng ca dao, tục ngữ. Nhưng với đồng bào các dân tộc, nơi mà điều kiện kinh tế chưa phát triển, tâm lí thích tư duy hình tượng, khát khao bảo tồn tiếng mẹ đẻ và đặc biệt là còn khan hiếm các phương tiện truyền thông bằng tiếng mẹ đẻ thì hát ca dao, nói tục ngữ là phương tiện mà họ ưa chuộng và say mê. Trong giao tiếp của họ với nhau lúc nào cũng ngập tràn không khí phon-cơ-lo (văn hóa dân gian), nói như người Khmer thì “*Tho-ngay na co đooch chia tho-ngay na ...khe na co đooch chia khe na*” (ngày nào cũng như ngày nào, tháng nào cũng như tháng nào) họ lại không sống cùng ca dao, tục ngữ và cả sống cùng truyền cổ tích và sử thi dân gian nữa.

Kết luận

1. Giáo dục qua hành vi của người lớn, qua tiếng mẹ đẻ và qua phong tục, nói chung là giáo dục bằng văn hóa với trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số như giới thiệu trong phạm vi một bài tham luận là chưa đủ, nhưng đúng là như vậy. Các hình thức giáo dục hòa quyện, tự nhiên, khó tách bạch, nếu có tách ra cũng là để dễ trình bày. Riêng về góc độ giáo dục, muốn hình thành tính cách một con người, chúng ta cần

dựa vào sức mạnh tổng hợp của nhiều hình thức giáo dục và hình thức nào sinh động hơn, tự nhiên hơn, thiết thực hơn sẽ đem lại kết quả cao.

2. Giáo dục trong gia đình, trong cộng đồng thiểu số có ý nghĩa hết sức quan trọng, tuy nhiên vẫn là chưa đủ, trẻ em vẫn cần đến giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội để mở mang hiểu biết. Bởi lẽ, các em không chỉ là thành viên của gia đình, của cộng đồng mà còn là thành viên của xã hội, là nguồn nhân lực mới trong phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương và đất nước. Nhưng cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, giáo dục gia đình, giáo dục trong cộng đồng mở rộng hơn là giáo dục bằng “kí ức xã hội”, tức là bằng văn hóa cộng đồng là nhân tố đầu tiên, là nền tảng không thể thiếu trong việc hình thành nhân cách của trẻ. Nếu không, trong nhân cách của trẻ sẽ có những đứt gãy không thể hàn gắn được.

3. Ở những nơi giáo dục phát triển thuận lợi, không ít cha mẹ gần như giao hoàn toàn việc giáo dục con em cho nhà trường và xã hội. Họ mê mãi nâng cao mức sống mà không dành thời gian chăm sóc và giáo dục con em, chính vì thế con em họ ít nhận được sự giáo dục từ cha mẹ, gia đình. Họ không biết rằng con em trông đợi ở họ nhiều hơn là họ nghĩ... Khi nền tảng giáo dục gia đình không vững chắc thì giáo dục nhà trường cũng khó có thể đem lại cho con em một kết quả giáo dục như mong muốn. Và như thế, giáo dục trẻ em trong cộng đồng dân tộc thiểu số còn nói lên với chúng ta nhiều điều. Bàn về giáo dục văn hóa cho trẻ em ở vùng dân tộc cũng là bàn đến giáo dục bắt đầu từ gia đình, sau lan đến cộng đồng với tất cả những giá trị tốt đẹp đã trở thành truyền thống.

4. Giáo dục văn hóa cho trẻ em ở vùng dân tộc không nên dừng ở mức nâng cao nhận thức cho các em mà nên hướng tới sự biến chuyển trong hành vi của các em trong đối xử đúng mực với cha mẹ, người thân, bạn bè, bà con làng bản, biết sống hòa hợp với thiên nhiên núi rừng sông biển, bình đẳng trong hưởng thụ các nguồn tài nguyên hợp tác và chia sẻ trách nhiệm với cả xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Và như vậy, chúng ta mới đi đúng tinh thần của giáo dục thời đại là hiểu biết đi đôi với hành động, hành động để nâng cao hiểu biết, chứ không có hiểu biết để đấy.

5. Trong nhà trường và cộng đồng dân tộc đa số chúng ta nên kế thừa cách thức giáo dục văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số và giáo dục văn hóa cũng nên xem là một nội dung quan trọng trong các chương trình giáo dục quốc gia. Chúng ta không nên phó thác hoàn toàn việc giáo dục văn hóa cho cộng đồng tộc người. Bởi lẽ, học sinh của

chúng ta không những cần nâng cao vốn hiểu biết về văn hóa của dân tộc mình mà còn cần biết thêm về văn hóa của các dân tộc khác nữa để “biết mình biết người”, để biết chấp nhận cái khác mình trong các cộng đồng dân tộc khác, đồng thời cũng mong nhận được sự chia sẻ những nét văn hóa khác họ nơi cộng đồng của mình. Tuyên bố ASEM về đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh (Hội nghị diễn ra tại Hà Nội các ngày 8/9 – 10 - 2004) nhấn mạnh: “Trong giáo dục ưu tiên hơn việc nâng cao kiến thức về các nền văn hóa và văn minh khác nhau nhằm tăng thêm sự khoan dung với các nhóm sắc tộc, xã hội, văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ và các quốc gia tạo điều kiện để xóa bỏ định kiến về sắc tộc và không khoan dung về văn hóa”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Nam Sơn (chủ biên) - Vi Văn Điếu - Ngô Thị Thanh Thủy (2012), *Hướng dẫn bảo tồn văn hóa trong nhà trường Phổ thông dân tộc nội trú*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Đào Nam Sơn, *Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đa sắc màu*, Tạp chí Thế giới trong ta, số 420.
 3. Đào Nam Sơn - Kpă Tweo, *Đàn ông Jrai thích gì ở người bạn trăm năm*, Tạp chí Thế giới trong ta, số 418.
 4. Đào Nam Sơn - Kpă Tweo, *Phong tục sinh nở của người Jrai*, Tạp chí Văn hóa quân sự, tháng 3 - 2013.

SUMMARY

Ourethnic minority often scatter in isolated areas with slow socio-economic development and disadvantaged education. Some ethnic groups still keep their close traditions, cluster in thier villages and communitites. In this context, cultural education such as family and community education become a vital element to the ethical education to young generation in ethnic areas. This article has focused on the main content of cultural education to children in the ethnic monirity community: education through adult behavior, custom and mother tongue.

THỰC HIỆN TỰ CHỦ ĐẠI HỌC... (Tiếp theo trang 51)

5. Kết luận

Nhìn chung, các trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công thương đều mới được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng; Việc tiếp cận và thực hiện tự chủ trong quản trị, mỗi trường ở mức độ khác nhau. Vì vậy muốn xây dựng thành công cơ sở khoa học trong việc thực hiện tự chủ trong quản trị đại học của các trường đại học trực thuộc Bộ Công thương đòi hỏi phải có sự điều chỉnh kịp thời chính sách để thúc đẩy tự chủ trong quản trị trường đại học. Cần phải xây dựng lộ trình cụ thể, xác định trao quyền tự chủ toàn diện về tổ chức, nhân sự, tài chính, học thuật, trong đó tự chủ về tài chính đóng vai trò then chốt; đồng thời xây dựng hội đồng trường trở thành cơ quan quản lý ở tầm chiến lược theo mô hình Board of Trustees của các trường đại học có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Đây là yêu cầu cấp thiết, là khâu đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế đất nước. Đồng thời tăng sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế sâu rộng.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Kiểm yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Đổi mới mô hình quản trị của các trường đại học khối kinh tế của Việt Nam”*, Hà Nội.
 4. Vũ Thị Phương Anh, 2011, *Bàn về tự chủ giáo dục đại học*, Tạp chí Tia sáng, Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, <http://tiasang.com.vn>
 5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Luật Giáo dục Đại học*.
 6. Fielden, J. (2008), *Global Trends in University Governance*, Education Working Paper Series, number 9. Washington, D. C., World Bank.
 7. EUA (European University Asociation), (2012), *Dimensions of University Autonomy*, <http://www.university-autonomy.edu>

SUMMARY

The article has focused on the characteristics of implementing autonomy in public university governance, these universities belongs to Ministry of Industry and Trade. Firstly, the author presents concepts and terms relating to university autonomy, the important role of university autonomy and theoretical framework; analyzes the content of university autonomy with 4 main points: organization autonomy, financial autonomy, personal autonomy and academic autonomy. Then the author analyzes the current situation of this issue and proposes suggestions in terms of policy on university autonomy development at universities belonging to Ministry of Industry and Trade.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2013), *Kiểm yếu Hội nghị triển khai quy hoạch phát triển nhân lực ngành Công thương*, Hà Nội.
 2. Bộ Công Thương (2013), *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, đào tạo bồi dưỡng năm học 2012 – 2013*.